

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯỚI THÉP BÌNH TÂY  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016  
(đã được kiểm toán)

## **NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05-30
Bảng cân đối kế toán	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính	09-30

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Nhà máy lưới Thép Bình Tây, đơn vị trực thuộc Tổng Công ty thép Việt Nam theo quyết định số 225/2003/QĐ-BCN ngày 19 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303357746 (số cũ 4103002435), đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 06 năm 2004 và đăng ký thay đổi kinh doanh lần thứ 12 ngày 06 tháng 09 năm 2014 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 117 Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Thanh Hải	Chủ tịch
Ông Lê Hải Tú	Ủy viên
Ông Bùi Hắc Hải	Ủy viên
Ông Nguyễn Trung Nghị	Ủy viên
Ông Nguyễn Hồng Lương	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Hải Tú	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thái Học	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Hắc Hải	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Phương Dung	Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Huỳnh Thị Tuyết Trâm	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 03/10/2016
Bà Võ Thị Lộc	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 12/08/2016
Bà Nguyễn Thị Trúc	Thành viên	
Ông Trần Văn Tuấn	Thành viên	

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

---

**Lê Hải Tú**

Tổng Giám đốc

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 02 năm 2017*

Số: /2017/BC.KTTC-AASC.HCM

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây được lập ngày 04 tháng 02 năm 2017, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

*Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2017*

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**  
**Phó Tổng Giám đốc**

**Kiểm toán viên**

**Bùi Văn Thảo**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0522-13-002-1

**Lâm Anh Tuấn**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 1859-2013-002-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>20.213.546.121</b>	<b>18.024.287.615</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>5.878.763.871</b>	<b>2.589.160.622</b>
111	1. Tiền		5.878.763.871	2.589.160.622
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>3.400.094.037</b>	<b>2.153.584.233</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	3.141.391.675	1.601.109.323
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	330.250.000	469.413.630
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	233.700.000	461.041.738
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(305.247.638)	(377.980.458)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>10.863.531.079</b>	<b>12.533.438.802</b>
141	1. Hàng tồn kho		10.863.531.079	12.533.438.802
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>71.157.134</b>	<b>748.103.958</b>
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		71.157.134	87.410.471
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	-	660.693.487
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>18.905.561.062</b>	<b>20.542.987.033</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>100.000.000</b>	<b>100.000.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	100.000.000	100.000.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>18.805.561.062</b>	<b>20.078.449.363</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	18.805.561.062	20.078.449.363
222	- Nguyên giá		48.495.737.111	47.823.737.111
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(29.690.176.049)	(27.745.287.748)
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>-</b>	<b>364.537.670</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		-	364.537.670
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>39.119.107.183</b>	<b>38.567.274.648</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>9.035.127.783</b>	<b>9.518.875.820</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>8.971.127.783</b>	<b>9.454.875.820</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	391.498.723	747.195.497
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	11	142.481.293	177.502.257
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	452.893.932	65.784.431
314	4. Phải trả người lao động		1.967.723.465	1.986.601.086
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	58.333.333	60.718.796
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	14	300.000.000	300.000.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	15	3.091.947.696	1.221.469.530
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	2.500.000.000	4.657.162.979
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		66.249.341	238.441.244
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>64.000.000</b>	<b>64.000.000</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	15	64.000.000	64.000.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>30.083.979.400</b>	<b>29.048.398.828</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>17</b>	<b>30.083.979.400</b>	<b>29.048.398.828</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		19.654.400.000	19.654.400.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>19.654.400.000</i>	<i>19.654.400.000</i>
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		3.681.066.443	3.170.891.029
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		6.748.512.957	6.223.107.799
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		<i>2.732.548.488</i>	<i>2.732.548.488</i>
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		<i>4.015.964.469</i>	<i>3.490.559.311</i>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>39.119.107.183</b>	<b>38.567.274.648</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 02 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Huy Long

Lê Thị Phương Dung

Lê Hải Tú

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
*Năm 2016*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	93.401.738.777	89.662.441.433
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		93.401.738.777	89.662.441.433
11	4. Giá vốn hàng bán	20	82.998.259.616	79.991.149.617
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		10.403.479.161	9.671.291.816
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	46.502.904	115.226.469
22	7. Chi phí tài chính	22	56.095.223	25.061.501
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		56.095.223	25.061.501
25	8. Chi phí bán hàng	23	260.555.920	345.150.773
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	5.026.837.586	4.811.691.637
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.106.493.336	4.604.614.374
31	11. Thu nhập khác	25	56.960	7.422.626
32	12. Chi phí khác	26	40.504.058	96.461.053
40	13. Lợi nhuận khác		(40.447.098)	(89.038.427)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.066.046.238	4.515.575.947
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	1.050.081.769	1.025.016.636
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<b>4.015.964.469</b>	<b>3.490.559.311</b>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	2.043	1.776

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 02 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Huy Long

Lê Thị Phương Dung

Lê Hải Tú



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>5.066.046.238</b>	<b>4.515.575.947</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.944.888.301	1.941.259.243
03	- Các khoản dự phòng		(72.732.820)	(89.713.282)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(24.285)	(111.419)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(46.478.619)	(115.115.050)
06	- Chi phí lãi vay		56.095.223	25.061.501
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>6.947.794.038</b>	<b>6.276.956.940</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(1.157.523.647)	1.097.297.464
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		1.669.907.723	(3.901.600.635)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		1.739.654.232	(9.448.120.972)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		364.537.670	33.642.835
14	- Tiền lãi vay đã trả		(58.480.686)	(19.342.705)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(238.029.871)	(1.575.652.851)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	148.443.705
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(695.775.800)	(800.488.705)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>8.572.083.659</b>	<b>(8.188.864.924)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(672.000.000)	-
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		46.478.619	124.341.439
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(625.521.381)</b>	<b>124.341.439</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay		8.492.385.407	5.657.162.979
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(10.649.548.386)	(1.000.000.000)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(2.499.820.335)	(2.286.522.371)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(4.656.983.314)</b>	<b>2.370.640.608</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>3.289.578.964</b>	<b>(5.693.882.877)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>2.589.160.622</b>	<b>8.282.932.080</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		24.285	111.419
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>3</b>	<b>5.878.763.871</b>	<b>2.589.160.622</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 02 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Huy Long

Lê Thị Phương Dung

Lê Hải Tú

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2016

### 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Nhà máy lưới Thép Bình Tây, đơn vị trực thuộc Tổng Công ty thép Việt Nam theo quyết định số 225/2003/QĐ-BCN ngày 19 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303357746 (số cũ 4103002435), đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 06 năm 2004 và đăng ký thay đổi kinh doanh lần thứ 12 ngày 06 tháng 09 năm 2014 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 117 Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là 19.654.400.000 VND và được chia thành 1.965.400 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/Cổ phần.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh lưới thép.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất sắt, thép, gang. Chi tiết: sản xuất sắt thép (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý. Chi tiết: sản xuất kim loại màu (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: sản xuất vật liệu xây dựng (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: mua bán sắt thép, kim loại màu;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết mua bán vật liệu xây dựng.

#### Cấu trúc doanh nghiệp

<u>Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Chi nhánh Đồng Nai: Phân xưởng Nhơn Trạch	Huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất kinh doanh lưới thép
Chi nhánh Long An	Huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	Sản xuất kinh doanh lưới thép

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

**2.4 . Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**2.6 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**2.7 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.8 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	08 năm

**2.9 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.10 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.11 . Các khoản vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.12 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.13 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả và các khoản chi phí phải trả khác... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.14 . Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

**2.15 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Đại hội cổ đông và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**2.16 . Doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**2.17 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

**2.18 . Chi phí tài chính**

Khoản chi phí đi vay vốn được ghi nhận vào chi phí tài chính theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

**2.20 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	239.463.910	224.526.787
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.639.299.961	2.364.633.835
	<b><u>5.878.763.871</u></b>	<b><u>2.589.160.622</u></b>

**4 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
- Cửa hàng Vật liệu Xây dựng Bình Long	174.244.426	174.244.426
- Công ty TNHH Kỹ Thuật Tiêu Diễm	76.239.900	165.321.250
- Công ty TNHH Trương Hoàng Phúc	952.194.526	339.487.230
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Miền Nam	16.912.500	207.201.120
- Doanh nghiệp tư nhân Tân Phú Hòa	307.911.560	93.994.230
- Doanh nghiệp tư nhân Thảo Hương	452.396.000	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	1.161.492.763	620.861.067
	<b>3.141.391.675</b>	<b>1.601.109.323</b>
<b>b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>73.373.300</b>	<b>237.634.633</b>
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35.		

**5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Vận tải Đầu tư Thiết kế Xây dựng	300.000.000	-	300.000.000	-
Trả trước cho người bán khác	30.250.000	-	169.413.630	-
	<b>330.250.000</b>	<b>-</b>	<b>469.413.630</b>	<b>-</b>

**6 . PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Tạm ứng	233.700.000	-	432.875.000	-
Phải thu khác	-	-	28.166.738	(24.966.738)
	<b>233.700.000</b>	<b>-</b>	<b>461.041.738</b>	<b>(24.966.738)</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	100.000.000	-	100.000.000	-
	<b>100.000.000</b>	<b>-</b>	<b>100.000.000</b>	<b>-</b>

**7 . NỢ XẤU**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Cửa hàng Vật liệu xây dựng Bình Long	174.244.426	-	174.244.426	-
- Công ty TNHH Nguyên Phong	86.064.797	-	101.064.797	-
- Công ty CP Xây dựng vận tải Hiệp Hưng	44.938.415	-	48.238.415	-
- Các khoản khác	-	-	54.432.820	-
	<b>305.247.638</b>	<b>-</b>	<b>377.980.458</b>	<b>-</b>

**8 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.646.444.451	-	6.365.482.143	-
Công cụ, dụng cụ	16.510.086	-	3.562.733	-
Thành phẩm	8.200.576.542	-	6.164.393.926	-
	<b>10.863.531.079</b>	<b>-</b>	<b>12.533.438.802</b>	<b>-</b>



**9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

**10 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Công ty TNHH Kỹ Thuật Đầu Tư E.T.E.C	81.807.000	81.807.000	-	-
Công ty CP Đầu tư & Phát triển Nhà & Đầu tư IDICO	178.222.560	178.222.560	220.168.314	220.168.314
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cát Tường	95.043.350	95.043.350	95.043.350	95.043.350
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Miền Nam	34.742.793	34.742.793	389.983.833	389.983.833
Phải trả các đối tượng khác	1.683.020	1.683.020	42.000.000	42.000.000
	<b>391.498.723</b>	<b>391.498.723</b>	<b>747.195.497</b>	<b>747.195.497</b>
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35.)</b>				
	<b>34.742.793</b>	<b>34.742.793</b>	<b>389.983.833</b>	<b>389.983.833</b>

**11 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty CP Thương mại Traco Long An	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Thép Đoàn Kết	22.893.416	-
Người mua trả trước khác	47.587.877	105.502.257
	<b>142.481.293</b>	<b>177.502.257</b>

**12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

**13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	3.333.333	5.718.796
- Chi phí phải trả khác	55.000.000	55.000.000
	<b>58.333.333</b>	<b>60.718.796</b>

**14 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước về cho thuê mặt bằng	300.000.000	300.000.000
	<b>300.000.000</b>	<b>300.000.000</b>

**15 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	32.991.951	4.277.951
- Bảo hiểm xã hội	124.640.035	112.494.145
- Bảo hiểm y tế	21.570.795	20.772.090
- Bảo hiểm thất nghiệp	9.587.020	9.196.740
- Phải trả Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bất động sản Bình Tây - Thảo Loan (*)	1.800.000.000	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	107.100.000	52.100.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	849.470.752	892.491.087
- Phải trả tiền phụ cấp cho HĐTV	78.000.000	51.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	68.587.143	79.137.517
	<b>3.091.947.696</b>	<b>1.221.469.530</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	64.000.000	64.000.000
	<b>64.000.000</b>	<b>64.000.000</b>

(\*) Xem chi tiết tại thuyết minh số 32.

**16 . CÁC KHOẢN VAY**

**17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Thép Việt Nam	40,06	7.874.500.000	40,06	7.874.500.000
Các đối tượng khác	59,94	11.779.900.000	59,94	11.779.900.000
	<b>100,00</b>	<b>19.654.400.000</b>	<b>100,00</b>	<b>19.654.400.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	19.654.400.000	19.654.400.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	19.654.400.000	19.654.400.000

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.965.440	1.965.440
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.965.440	1.965.440
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.965.440	1.965.440
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.965.440	1.965.440
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.965.440	1.965.440

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/CP.

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Quỹ đầu tư phát triển	3.681.066.443	3.170.891.029
	<b>3.681.066.443</b>	<b>3.170.891.029</b>

**18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Ngoại tệ các loại**

	31/12/2016	01/01/2016
- Đồng đô la Mỹ (USD)	87,91	98,91

**19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán thành phẩm	88.861.968.447	85.288.377.915
Doanh thu bán hàng hóa	-	54.634.938
Doanh thu cho thuê mặt bằng	3.917.195.370	3.722.359.800
Doanh thu gia công	-	32.472.000
Doanh thu bán vật tư, phế liệu	622.574.960	564.596.780
	<b>93.401.738.777</b>	<b>89.662.441.433</b>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35.)	<b>2.204.572.410</b>	<b>1.958.708.880</b>

**20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm đã cung cấp	79.175.175.880	76.235.501.016
Giá vốn bán hàng hóa	-	41.103.490
Giá vốn cho thuê mặt bằng	3.221.355.726	3.212.385.479
Giá vốn gia công	-	11.526.652
Giá vốn bán phế phẩm, phế liệu	601.728.010	490.632.980
	<b>82.998.259.616</b>	<b>79.991.149.617</b>

**21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	46.478.619	115.115.050
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	24.285	111.419
	<b>46.502.904</b>	<b>115.226.469</b>

**22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	56.095.223	25.061.501
	<b>56.095.223</b>	<b>25.061.501</b>

**23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	45.051.500	60.890.360
Chi phí khác bằng tiền	215.504.420	284.260.413
	<b>260.555.920</b>	<b>345.150.773</b>

**24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	159.104.604	196.785.549
Chi phí nhân công	2.818.485.229	2.405.746.814
Chi phí khấu hao tài sản cố định	107.075.067	107.075.067
Thuế, phí, lệ phí	107.651.539	108.482.357
Hoàn nhập dự phòng	<b>(72.732.820)</b>	<b>(89.713.282)</b>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	617.627.711	367.706.737
Chi phí khác bằng tiền	1.289.626.256	1.715.608.395
	<b>5.026.837.586</b>	<b>4.811.691.637</b>



**25 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập khác	56.960	7.422.626
	<b>56.960</b>	<b>7.422.626</b>

**26 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nộp lại giá trị vật tư còn thiếu trong việc bàn giao mặt bằng cho UBND Quận Tân Phú	-	96.085.000
Các khoản nộp phạt hành chính	40.362.612	-
Chi phí khác	141.446	376.053
	<b>40.504.058</b>	<b>96.461.053</b>

**27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.066.046.238	4.515.575.947
Các khoản điều chỉnh tăng	484.362.612	443.702.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(300.000.000)	(300.111.419)
Thu nhập chịu thuế TNDN	5.250.408.850	4.659.166.528
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.050.081.769</b>	<b>1.025.016.636</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(660.693.487)	(110.057.272)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(238.029.871)	(1.575.652.851)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm của hoạt động kinh doanh</b>	<b>151.358.411</b>	<b>(660.693.487)</b>

**28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	4.015.964.469	3.490.559.311
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	4.015.964.469	3.490.559.311
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	1.965.440	1.965.440
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.043</b>	<b>1.776</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

**29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	62.867.834.354	59.148.558.498
Chi phí nhân công	12.428.001.249	11.938.441.917
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.944.888.301	1.941.259.243
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.674.424.238	6.591.814.053
Chi phí khác bằng tiền	2.496.475.775	2.762.531.438
	<b>87.411.623.917</b>	<b>82.382.605.149</b>

**30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.878.763.871	-	2.589.160.622	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.475.091.675	(305.247.638)	2.162.151.061	(377.980.458)
	<b>9.353.855.546</b>	<b>(305.247.638)</b>	<b>4.751.311.683</b>	<b>(377.980.458)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	2.500.000.000	4.657.162.979
Phải trả người bán, phải trả khác	3.547.446.419	2.032.665.027
Chi phí phải trả	58.333.333	60.718.796
	<b>6.105.779.752</b>	<b>6.750.546.802</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.878.763.871	-	-	5.878.763.871
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.069.844.037	100.000.000	-	3.169.844.037
	<b><u>8.948.607.908</u></b>	<b><u>100.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>9.048.607.908</u></b>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.589.160.622	-	-	2.589.160.622
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.684.170.603	100.000.000	-	1.784.170.603
	<b><u>4.273.331.225</u></b>	<b><u>100.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>4.373.331.225</u></b>

***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>				
Vay và nợ	2.500.000.000	-	-	2.500.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	3.483.446.419	64.000.000	-	3.547.446.419
Chi phí phải trả	58.333.333	-	-	58.333.333
	<b><u>6.041.779.752</u></b>	<b><u>64.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>6.105.779.752</u></b>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Vay và nợ	4.657.162.979	-	-	4.657.162.979
Phải trả người bán, phải trả khác	1.968.665.027	64.000.000	-	2.032.665.027
Chi phí phải trả	60.718.796	-	-	60.718.796
	<b><u>6.686.546.802</u></b>	<b><u>64.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>6.750.546.802</u></b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**31 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

	<u>Năm 2016</u> VND	<u>Năm 2015</u> VND
<b>a) Số tiền đi vay thực thu trong năm</b>		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	8.492.385.407	5.657.162.979
<b>d) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm</b>		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	10.649.548.386	1.000.000.000

### 32 . THÔNG TIN KHÁC

*a) Hợp tác đầu tư dự án Khu phức hợp Trung tâm Thương mại - Chung cư Steel Cali*

Theo các điều khoản trong Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2011/HĐHTĐT ngày 02 tháng 07 năm 2011 và Phụ lục hợp đồng hợp tác đầu tư số 130/2014/PLHTĐT ngày 30 tháng 12 năm 2014 giữa Công ty CP Lưới thép Bình Tây, Công ty CP Đầu tư và Xây dựng nhà Thảo Loan và Công ty CP Thương mại Dịch vụ Kinh doanh nhà Thảo Loan, các bên sẽ thành lập Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bất động sản Bình Tây - Thảo Loan để xây dựng dự án khu phức hợp Trung tâm thương mại - Chung cư Steel Cali tại 117 Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh. Theo đó Công ty CP Lưới thép Bình Tây cam kết sẽ góp 30% trong tổng vốn đầu tư dự án là 200.000.000.000 VND bằng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại địa chỉ 117 Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh. Ngày 07/10/2014, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Công văn số 5124/UBND-ĐTMT công nhận Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bất động sản Bình Tây - Thảo Loan làm chủ đầu tư Dự án Trung tâm thương mại - Chung cư Steel Cali tại địa chỉ 117 Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh. Tại thời điểm 31/12/2016, Công ty đang thực hiện các thủ tục để chuyển đổi mục đích sử dụng lô đất do vậy Công ty chưa bàn giao mặt bằng cho Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bất động sản Bình Tây - Thảo Loan.

Tại thời điểm 31/12/2016, Công ty đang ghi nhận khoản phải trả cho Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bất động sản Bình Tây - Thảo Loan với số tiền 1.800.000.000 VND. Theo như điều khoản trong Hợp đồng đầu tư thì đây là số tiền mà Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bất động sản Bình Tây - Thảo Loan có trách nhiệm hỗ trợ cho Công ty để thực hiện công tác bàn giao mặt bằng.

*b) Hợp tác đầu tư dự án Chung cư Sông Hồng - Bình Tây*

Theo các điều khoản trong Hợp đồng hợp tác đầu tư số 113/HĐLD-2009 ngày 24 tháng 09 năm 2009 giữa Công ty CP Lưới thép Bình Tây, Tổng Công ty Sông Hồng và Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cơ khí Sông Hồng, các bên sẽ thành lập Công ty CP Sông Hồng - Bình Tây để xây dựng chung cư Sông Hồng - Bình Tây. Theo đó, Công ty CP Lưới thép Bình Tây cam kết sẽ góp 25% trong tổng số vốn đầu tư của dự án là 40.000.000.000 VND bằng lợi thế sử dụng đất và tài sản trên đất tại địa chỉ 165/5 Nguyễn Văn Luông, phường 10, quận 6, Tp. Hồ Chí Minh. Tại thời điểm 31/12/2016, các bên đang trong quá trình thực hiện các thủ tục để trình phê duyệt Dự án do vậy Công ty chưa bàn giao mặt bằng cho Công ty CP Sông Hồng - Bình Tây.

### 33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

### 34 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

**Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động kinh doanh thép	Hoạt động kinh doanh khác	<b>Tổng cộng toàn doanh nghiệp</b>
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	88.861.968.447	4.539.770.330	93.401.738.777
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>9.686.792.567</b>	<b>716.686.594</b>	<b>10.403.479.161</b>
Tổng chi phí mua TSCĐ	672.000.000	-	672.000.000
Tài sản bộ phận trực tiếp	33.140.733.816	-	33.140.733.816
Tài sản không phân bổ	-	-	5.978.373.367
<b>Tổng tài sản</b>	<b>33.140.733.816</b>	<b>-</b>	<b>39.119.107.183</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	2.891.498.723	-	2.891.498.723
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	6.143.629.060
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>2.891.498.723</b>	<b>-</b>	<b>9.035.127.783</b>

**Theo khu vực địa lý**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh lưới thép và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
		VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>			
- Công ty CP Thép Biên Hòa	Công ty con của TCT	298.083.800	251.452.200
- Công ty CP Cơ khí Luyện kim	Công ty con của TCT	49.428.000	42.353.000
- Công ty CP Thép Thủ Đức	Công ty con của TCT	187.275.000	226.663.200
- Công ty CP Thép Nhà Bè	Công ty con của TCT	1.470.786.530	1.204.421.280
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Miền Nam	Công ty con của TCT	198.999.080	233.819.200
<b>Mua nguyên liệu, hàng hoá</b>			
- Công ty CP Thép Nhà Bè	Công ty con của TCT	61.797.600	99.875.300
- Công ty CP Thép Biên Hòa	Công ty con của TCT	3.073.125.000	1.024.778.100
- Công ty CP Kim khí TP.HCM	Công ty con của TCT	16.585.242.027	20.955.676.822
- Tổng Công ty Thép Việt Nam (TCT)	Cổ đông lớn	48.000.000	48.000.000
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Miền Nam	Công ty con của TCT	-	463.621.666

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
		VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>			
- Công ty CP Thép Nhà Bè	Công ty con của TCT	56.460.800	30.433.513
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Miền Nam	Công ty con của TCT	16.912.500	207.201.120
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>			
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Miền Nam	Công ty con của TCT	34.742.793	389.983.833

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.100.536.074	946.812.960

### **36 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 02 năm 2017*

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**

**Nguyễn Huy Long**

**Lê Thị Phương Dung**

**Lê Hải Tú**

**9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	18.903.919.549	24.623.822.779	4.245.994.784	49.999.999	47.823.737.111
- Mua trong năm	-	672.000.000	-	-	672.000.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>18.903.919.549</b>	<b>25.295.822.779</b>	<b>4.245.994.784</b>	<b>49.999.999</b>	<b>48.495.737.111</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	7.124.618.719	18.665.512.463	1.948.906.566	6.250.000	27.745.287.748
- Khấu hao trong năm	653.348.185	938.934.592	346.355.524	6.250.000	1.944.888.301
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>7.777.966.904</b>	<b>19.604.447.055</b>	<b>2.295.262.090</b>	<b>12.500.000</b>	<b>29.690.176.049</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	11.779.300.830	5.958.310.316	2.297.088.218	43.749.999	20.078.449.363
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>11.125.952.645</b>	<b>5.691.375.724</b>	<b>1.950.732.694</b>	<b>37.499.999</b>	<b>18.805.561.062</b>

*Trong đó:*

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 9.927.002.189 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 13.544.832.115 VND.



**12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	65.784.431	2.633.429.496	2.433.159.031	-	266.054.896
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	660.693.487	-	1.050.081.769	238.029.871	-	151.358.411
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	207.626.554	172.145.929	-	35.480.625
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	2.712.446.785	2.712.446.785	-	-
Các loại thuế khác	-	-	4.500.000	4.500.000	-	-
	<b>660.693.487</b>	<b>65.784.431</b>	<b>6.608.084.604</b>	<b>5.560.281.616</b>	<b>-</b>	<b>452.893.932</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**16 . CÁC KHOẢN VAY**

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						<b>2.500.000.000</b>
- Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh (*)	4.657.162.979	4.657.162.979	8.492.385.407	10.649.548.386	2.500.000.000	2.500.000.000
	<b>4.657.162.979</b>	<b>4.657.162.979</b>	<b>8.492.385.407</b>	<b>10.649.548.386</b>	<b>2.500.000.000</b>	<b>2.500.000.000</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (\*) Hợp đồng tín dụng số 18/2016/1219730 ngày 12/10/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 7.000.000.000 VND;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C để đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn của hợp đồng: 1 năm;
  - + Lãi suất cho vay: theo từng khế ước nhận nợ cụ thể;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp tài sản thiết bị mạ dây công suất 12.000 T/năm.

**17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>19.654.400.000</b>	<b>2.464.662.052</b>	<b>6.569.373.167</b>	<b>28.688.435.219</b>
Lãi trong năm trước	-	-	3.490.559.311	3.490.559.311
Phân phối lợi nhuận	-	706.228.977	(706.228.977)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(575.523.702)	(575.523.702)
Chi trả cổ tức năm 2014	-	-	(2.555.072.000)	(2.555.072.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>19.654.400.000</b>	<b>3.170.891.029</b>	<b>6.223.107.799</b>	<b>29.048.398.828</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>19.654.400.000</b>	<b>3.170.891.029</b>	<b>6.223.107.799</b>	<b>29.048.398.828</b>
Lãi trong năm nay	-	-	4.015.964.469	4.015.964.469
Phân phối lợi nhuận (*)	-	510.175.414	(510.175.414)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(523.583.897)	(523.583.897)
Chi trả cổ tức năm 2015 (*)	-	-	(2.456.800.000)	(2.456.800.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>19.654.400.000</b>	<b>3.681.066.443</b>	<b>6.748.512.957</b>	<b>30.083.979.400</b>

(\*) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 61/NQ-VTD-ĐHCD ngày 01/04/2016, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00	3.490.559.311
Trích Quỹ đầu tư phát triển	14,62	510.175.414
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15,00	523.583.897
Chi trả cổ tức (bằng 12,5% vốn điều lệ)	70,38	2.456.800.000